

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 480/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 12 - 2022

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông : Hồ Quang Minh

Ông : Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 704/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thanh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Võ Thị Q, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/06/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: anh T và chị Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây, nhưng giấy đăng ký kết hôn đã thất lạc. Qua tàng thư sỏ lưu về đăng ký kết hôn của UBND xã Khánh Bình Tây, đã thất lạc (theo xác nhận của của UBND xã Khánh Bình Tây, ngày 7.11.2022), nên không có căn cứ chứng minh.

Quá trình chung sống có 2 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1995 và Trần Khả H – sinh ngày 4.4.2017, cháu N đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu H hiện nay vợ đang nuôi dạy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân khoản 5 tháng không có thiện chí hàng gấn trở lại.

Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với Q, về con chung tôi đồng ý giao cháu H cho vợ nuôi, không cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Võ Thị Q trình bày:

Thông nhất theo lời trình bày của ông T, khi cưới vợ chồng có đăng ký kết hôn, nhưng giấy đăng ký kết hôn đã thất lạc. Nay đồng ý ly hôn với anh T, về con chung nhận nuôi cháu H không yêu cầu anh T cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* anh T và chị Q kết hôn vào năm 1994, theo các đương sự xác định có đăng ký kết hôn, nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc. Qua xác nhận của UBND xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, thì hồ sơ lưu trữ thất lạc không còn nên không có cơ sở xác định anh T và chị Q khi cưới nhau có đăng ký kết hôn. (Theo xác nhận của UBND xã Khánh Bình Tây, ngày 7.11.2022).

Xét thấy anh T và chị Q tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Chị Q và anh T cho rằng có đăng ký kết hôn do giấy đăng ký bị thất lạc, từ đó đến nay anh T và chị Q không đăng ký kết hôn lại, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận anh Trần Thanh T và chị Võ Thị Q là vợ chồng là phù hợp;

[5] *Xét về con chung*: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Khả H, sinh ngày 04/04/2017, từ ngày chị Q và anh T sống ly thân đến nay cháu H được chị Q nuôi dạy, chị Q cũng xác định đủ điều kiện nuôi con chung và chị cũng có nguyện vọng nuôi cháu H nên chấp nhận giao cháu Trần Khả H cho chị Q nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm nom chăm sóc con chung: Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu H được sống với chị Q là phù hợp với Điều 82, **Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình**.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn xác định tài sản chung và nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không xét phần tài sản chung và nợ chung.

[7] *Xét về án phí*: Anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thanh T

Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Thanh T và chị Võ Thị Q là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Q có trách nhiệm nuôi cháu cháu Trần Khả H, sinh ngày 04/4/2017, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu H được sống với chị Q.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0005666 ngày 08/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đổi trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn , Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Tây;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung